

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 11 – 6 – 2025.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.
2. Ông Nguyễn Công Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1999; Địa chỉ: thôn T, xã K, huyện TK, tỉnh H. Nơi ở hiện tại: Thôn M, xã HĐ, huyện TK, tỉnh H. Số định danh cá nhân 030199000xxx, cấp ngày 25/11/202x.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn T, xã K, huyện T K, tỉnh H. Số định danh cá nhân: 030095011xxx, cấp ngày 22/12/202x.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, chị Chu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã K) huyện TK, tỉnh H ngày 01/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2023, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, Anh Đ không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Tháng 4/2024, chị về nhà bố mẹ đẻ của chị sống và vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, chị và Anh Đ có gặp nhau để nói chuyện, hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, Anh Đ có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên Chị H yêu cầu ly hôn anh Đạt.

Về con chung: Chị và Anh Đ có ba (03) con chung Lê Bảo Ng, sinh ngày 02/6/201x; Lê Bảo N, sinh ngày 27/12/201y và Lê Minh K, sinh ngày 01/4/202z. Hiện nay cháu Ng và cháu N đang sống cùng với anh Đ, cháu K đang sống cùng với chị. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, đồng ý Anh Đ nuôi dưỡng cháu Ngọc và cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Lê Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã K), huyện TK vào ngày 01/12/2027. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của Chị H và từ tháng 4/2024 Chị H đã về ở nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian đó anh có một lần đến tìm để thuyết phục Chị H quay về nhưng Chị H không đồng ý, anh và chị xảy ra cãi vã, không giải quyết được mâu thuẫn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2025, Anh Đ đồng ý ly hôn với Chị H nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2025, Anh Đ không đồng ý ly hôn với chị H. Đến nay, ngoài việc nhắn tin thuyết phục Chị H ra, Anh Đ không còn biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh còn tình cảm với chị H, mặt khác con chung vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên anh không nhất trí ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và Chị H có ba (03) con chung là Lê Bảo Ng, sinh ngày 02/6/201x; Lê Bảo N, sinh ngày 27/12/201y và Lê Minh K, sinh ngày 01/4/202z. Hiện nay cháu Ng và cháu N đang sống cùng với anh Đ, cháu K đang sống cùng với chị H. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ng và cháu N, đồng ý Chị H nuôi dưỡng cháu K, Anh Đ tự nguyện không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi hai con do anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể xã K, trưởng thôn T thể hiện: Chị Chu Thị H và anh Lê Văn Đ có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã K) ngày 01/12/2017. Sau khi kết hôn, anh chị sống gia đình anh Đ một thời gian thì chuyển ra sống tại nhà riêng. Theo địa phương được biết vợ chồng chị H và anh Đ có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về làm kinh tế gia đình, anh Đ không tập trung làm kinh tế dẫn đến nợ nần. Tháng 4/2024, chị H đưa con về sống ở nhà bố mẹ đẻ của chị và vợ

chồng sống ly thân cho đến nay. Chị H và Anh Đ có 03 con chung là Lê Bảo Ng, sinh ngày 02/6/201x; Lê Bảo N, sinh ngày 27/12/201y và Lê Minh K, sinh ngày 01/4/202z. Hiện nay cháu Ng và cháu N đang sống cùng với anh Đ, cháu K đang sống cùng với chị H. Chị H và Anh Đ không có đề nghị nên địa phương không tổ chức hòa giải. Nay Chị H yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Đ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo các điều kiện phát triển và quyền lợi cho các con chung của anh, chị.

Tại phiên tòa các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ quan điểm ly hôn, nuôi con chung với anh Đ. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho Chị H được ly hôn với anh Đ; Về nuôi con: Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Minh K, sinh ngày 01/4/202z; anh Lê Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo Ng, sinh ngày 02/6/201x; Lê Bảo N, sinh ngày 27/12/201y cho đến khi các con chung trưởng thành (hiện nay cháu K đang sống cùng với chị H; cháu Ng và cháu N đang sống cùng với anh Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ và Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, chị Chu Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị Chu Thị H và anh Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T (nay là xã K), huyện TK, tỉnh H ngày 01/12/2017 nên hôn nhân giữa Chị H và Anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn nên Chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn với chị H.

[3] Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Trên cơ sở lời trình

bà Chị H và anh Đạt, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa Anh Đ và Chị H đã có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra bất hòa, không tập trung kinh tế, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024, thời gian này anh Đạt, Chị H có gặp nhau nhưng giữa anh và chị lại tiếp tục mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm. Quá trình giải quyết, Chị H vẫn giữ quan điểm ly hôn với Anh Đ vì chị xác định không còn tình cảm, chị không thể tiếp tục cùng Anh Đ xây dựng cuộc sống gia đình. Đối với anh Đạt, anh không đồng ý ly hôn và yêu cầu đoàn tụ gia đình với Chị H để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh không có biện pháp cải thiện mâu thuẫn, thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm với chị Huyền. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Chị H vẫn giữ quan điểm ly hôn với anh Đạt. Như vậy, xét mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa Chị H và Anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Huyền, xử cho Chị H được ly hôn với anh Đạt.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị H và anh Lê Văn Đ có 03 con chung là Lê Bảo Ng, sinh ngày 02/6/201x; Lê Bảo N, sinh ngày 27/12/201y và Lê Minh K, sinh ngày 01/4/202z. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Chị H và Anh Đ đã thống nhất thỏa thuận: Chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Minh K, sinh ngày 01/4/202z; anh Lê Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo Ng, sinh ngày 02/6/201x; Lê Bảo N, sinh ngày 27/12/201y cho đến khi các con chung trưởng thành (hiện nay cháu K đang sống cùng với chị H; cháu Ng và cháu N đang sống cùng với anh Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, đương sự vắng mặt, không có sự thay đổi về nội dung thỏa thuận và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị H . Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Lê Văn Đ .

[2] Về con chung: Chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Minh K, sinh ngày 01/4/202x; anh Lê Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo Ng, sinh ngày 02/6/201x; Lê Bảo N, sinh ngày 27/12/201y cho đến khi các con chung trưởng thành (hiện nay cháu K đang sống cùng với chị H; cháu Ng và cháu N đang sống cùng với anh Đ. Chị H và Anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị Chu Thị H và anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0005839 ngày 05 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã K, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như